

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-PT

Ngày: 06 - 02 - 2018

*V/v kiện tranh chấp hợp đồng
mượn tài sản;*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Nguyễn Văn Vận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DS-ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2017/QĐ-PT ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị A, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Tổ 1, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn N (Tên gọi khác: Vũ Văn K), sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Quách Ngọc N, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân T. Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh H – Phó trưởng ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2017 nguyên đơn bà Vũ Thị A, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà A, ông Vũ Văn Ntrình bày:

Ngày 20/ 8/2002 bà Vũ Thị A được Lâm trường Sông Đà thuộc Sở Nông Nghiệp & PTNT tỉnh Hòa Bình giao khoán diện tích là 1,30 ha tại khoảnh 3 lô 12 loại đất lâm nghiệp, khu vực đội 3, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Thời hạn sử dụng đến năm 2052 (50 năm), theo hợp đồng số 22/HĐ-LT: Hợp đồng trồng rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng. Ngày 07/3/2006 bà A cho ông Quách Ngọc N mượn diện tích đất nêu trên để ông Quách Ngọc N trồng cây gỗ keo tai tượng, hạn trả đất tháng 6/2016, hai bên có lập biên bản thỏa thuận về việc mượn đất trồng rừng. Đến thời hạn trả lại đất cho bà A, ông Quách Ngọc N không trả. Bà A làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết:

- Buộc ông Quách Ngọc N trả lại toàn bộ diện tích đã mượn 1,30 ha đất cho bà A.

- Yêu cầu ông Quách Ngọc N phải bồi thường thiệt hại của hai năm 2016 và năm 2017 do bà A không canh tác được trên đất (mỗi một năm = 6.500.000 đồng)

- Yêu cầu ông Quách Ngọc N bồi thường tiền cây giống năm 2016 mà bà A đã mua nhưng không trồng được là 3.146.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà đã rút yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu ông Quách Ngọc N phải bồi thường thiệt hại số tiền hai năm bà không canh tác được, mỗi năm 6.500.000 đồng. Không yêu cầu bồi thường tiền cây giống năm 2016 mà bà A đã mua nhưng không trồng được số tiền 3.146.000 đồng.

* *Bị đơn ông Quách Ngọc N trình bày thống nhất với bà Vũ Thị A về thời gian mượn đất, thời hạn trả đất, biên bản thỏa thuận mượn đất, diện tích đất, loại đất, mục đích sử dụng đất.*

Ông Quách Ngọc N trình bày lý do chưa trả đất cho bà A đúng hạn tháng 6/2016 vì: Ngày 24/4/2016 ông bán toàn bộ diện tích 1,30 ha keo với giá 20.000.000 đồng cho ông Đỗ Văn T. Hai bên có làm giấy biên nhận để ông T thuận tiện trong việc khai thác, tiêu thụ keo. Sau khi mua cây keo của ông, ông T không khai thác cây keo để ông trả lại đất cho bà A, ông đã giục ông T nhưng ông T vẫn không khai thác keo trả lại đất cho ông, vì vậy ông chưa trả lại diện tích đất đã mượn cho bà A.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T trình bày:*

Ông T trình bày thống nhất với ông Quách Ngọc N về thời gian mua keo, diện tích mua keo và giá keo. Ông trình bày thêm: Khi mua keo ông Quách Ngọc N và ông L không ghi rõ thời hạn ông phải khai thác nên ông chưa khai thác cây gỗ keo.

Ông T đề nghị Tòa làm rõ nguồn gốc mảnh đất đã giao khoán cấp cho bà A vì trước đây mảnh đất này đã được giao cho ông theo mô hình Trang trại rừng số 42, sau đó ông cho ông Nguyễn Đức S (nguyên làm Giám đốc Lâm trường Sông Đà) mượn đất trang trại rừng số 42, ông S lại cho ông Quách Ngọc N và ông Nguyễn Văn L trồng cây keo tại tượng để sau này bán cây chia nhau. Khi gia đình ông đòi lại diện tích đất cho ông S mượn, khi đó trên đất đang có keo ông S đã cho ông Quách Ngọc N và ông L trồng, khi ông S trả lại đất cho ông T có nói là "cây này ông bảo chúng nó trồng, sau này thu hoạch bảo chúng nó chia cho" ông T có đề nghị chia nhưng ông Quách Ngọc N và ông Lĩnh không chia cho ông T. Ông T không đòi nữa và chấp nhận trả công phù lao chăm sóc cây cho hai ông Quách Ngọc N và ông L với giá 20.000.000đ theo như giấy biên nhận mua cây keo.

Tại bản tự khai và các phiên hòa giải ông Đỗ Văn T không có yêu cầu độc lập về ý kiến của mình.

Bản án sơ thẩm số 01 /2017/DS - ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C xử: Căn cứ Điều 26, 35,39, 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Quách Ngọc N tự nguyện trả lại toàn bộ diện tích đất 1,3 ha, tại lô 12 khoảnh 3, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình cho bà Vũ Thị A sau khi ông Đỗ Văn T khai thác hết toàn bộ keo trên đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn Ngại diện cho bà Vũ Thị A rút yêu cầu buộc ông Quách Ngọc N phải bồi thường các khoản thiệt hại cho bà Vũ Thị A số tiền 16.146.000 (*Mười sáu triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn*) đồng.

Buộc ông Đỗ Văn T phải khai thác hết toàn bộ cây keo trên diện tích đất 1,3 ha tại lô 12 khoảnh 3 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để ông Quách Ngọc N trả lại đất cho bà Vũ Thị A.

Về án phí: Buộc ông Quách Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng. Bà Vũ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị A 2.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01 /2017/DS - ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Cụ thể:

+ Về tố tụng: Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải triệu tập ông Nguyễn Đức S - nguyên Giám đốc lâm trường Sông Đà, người ký quyết định cấp đất cho bà A và ông Nguyễn Tiến T – nguyên cán bộ kỹ T lâm trường Sông Đà tham gia vụ án. Nhưng Tòa án không triệu tập ông S và ông Nguyễn Tiến T mà chỉ triệu tập ông L là nhân chứng vụ án là không khách quan.

+ Về nội dung: Diện tích đất cấp bà A do gia đình ông quản lý và sử dụng từ năm 1993-2016, lô đất cấp cho bà A là của gia đình ông được Lâm trường giao để phát triển kinh tế vườn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng: nguồn gốc đất do gia đình ông T sử dụng từ năm 1989 đến năm 1991, sau đó cho ông S mượn, ông S cho ông Đặng Văn Lộc ở nhờ và từ đó đến nay gia đình ông T tiếp tục canh tác, không có tranh chấp với ai. Nay ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận cho gia đình ông T được sử dụng lô đất trên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến.* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Vũ Thị A được lâm trường giao đất có hợp đồng, đất được sử dụng đúng mục đích. Do điều kiện ông Quách Ngọc N khó khăn, nên bà đã cho ông Quách Ngọc N mượn đất để trồng rừng, ông Quách Ngọc N thừa nhận có mượn đất của bà A, do sức khỏe yếu nên ông đã bán cây keo trên diện tích đã mượn của bà A cho ông T khai thác. Nay ông đề nghị ông T khai thác hết số cây, để trả lại đất cho bà A.

Ý kiến của đại diện Lâm trường sông đà, thừa nhận đã giao đất đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Bà Vũ Thị A khởi kiện Ông Quách Ngọc N, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Xóm T, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Vũ Thị A khởi kiện yêu cầu Ông Quách Ngọc N phải trả cho bà diện tích đất lâm nghiệp bà cho ông Quách Ngọc N mượn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp đất đai quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T kháng cáo cho rằng tòa cấp sơ thẩm không mời ông Nguyễn Đức S - nguyên Giám đốc lâm trường Sông Đà và ông Nguyễn Tiến T – nguyên cán bộ kỹ thuật Lâm trường Sông Đà tham gia tố tụng vì ông S và ông Nguyễn Tiến T đã xác nhận gia đình ông được Lâm trường giao cho diện tích vườn trại đã cấp cho bà A. Ông không nhất trí ông L là người làm chứng vì không đảm bảo tính khách quan.*

Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông T không có chứng cứ chứng minh diện tích đất của bà A được lâm trường Sông Đà cấp cho ông quản lý và sử dụng từ năm 1993 – 2016. Việc ông Nguyễn Tiến T và ông S có xác nhận đất này thuộc gia đình ông nhưng không có chứng cứ chứng minh năm 1991 gia đình ông được Lâm trường Sông Đà giao diện tích đất trên nên kháng cáo của ông về nội dung này không có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông.

Về nội dung:

[1] Ông T kháng cáo cho rằng diện tích đất cấp bà A do gia đình ông quản lý và sử dụng từ năm 1993-2016, lô đất cấp cho bà A là của gia đình ông được Lâm trường giao để phát triển kinh tế vườn, thấy rằng:

Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho bà A diện tích là 1,30 ha tại khoảnh 3 lô 12 loại đất lâm nghiệp, khu vực đội 3, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình từ năm 2002-2052 (thời hạn 50 năm). Từ khi được giao đất đến nay chưa có quyết định nào của Lâm trường và của cơ quan có thẩm quyền thu hồi. Do đó,

bà A được Lâm trường giao diện tích đất thời hạn 50 năm, bà A có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất theo Hợp đồng giao khoán Lâm trường giao. Như vậy, có đủ căn cứ cho rằng diện tích là 1,30 ha tại khoảnh 3 lô 12 loại đất lâm nghiệp, khu vực đội 3, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình là của bà A. Mặt khác, theo quy định pháp luật, bà A có quyền quản lý, sử dụng theo quy định của Luật đất đai. Việc bà A cho ông Quách Ngọc N mượn đến thời hạn tháng 6/2016 được pháp luật cho phép. Ông Quách Ngọc N bán diện tích keo 1,30 ha không hỏi ý kiến bà A về việc chậm trả đất theo thời hạn trong hợp đồng, lỗi này không phải của bà A. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị A là đúng, ấn định thời gian ông Đỗ Văn T phải khai thác keo để trả lại đất là đúng quy định pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết 03 nội dung. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn N rút hai nội dung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Quách Ngọc N phải bồi thường thiệt hại của hai năm 2016 và năm 2017 do bà A không canh tác được trên đất (mỗi một năm = 6.500.000 đồng); Yêu cầu ông Quách Ngọc N bồi thường tiền cây giống năm 2016 mà bà A đã mua nhưng không trồng được là 3.146.000 đồng. Cấp sơ thẩm tuyên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự là không chính xác mà phải đình chỉ mới đúng, nội dung này cần khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp. Nội dung kháng cáo của ông Đỗ Văn T không được chấp nhận.

Do sửa cách tuyên bản án sơ thẩm, người kháng cáo ông Đỗ Văn T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn T, giữ nguyên các quyết định tại bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình, sửa cách tuyên về phần đình chỉ yêu cầu bị đơn phải bồi thường các khoản thiệt hại, cụ thể:

2. Căn cứ Điều 26, 35, 39, 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Quách Ngọc N tự nguyện trả lại toàn bộ diện tích đất 1,3 ha tại lô 12 khoảnh 3, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình cho bà Vũ Thị A sau khi ông Đỗ Văn T khai thác hết toàn bộ keo trên đất.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị A về việc ông Quách Ngọc N phải bồi thường thiệt hại của hai năm do bà A không canh tác được trên đất (mỗi một năm = 6.500.000 đồng) và tiền cây giống năm 2016 mà bà A đã mua nhưng không trồng được là 3.146.000 đồng.

5. Buộc ông Đỗ Văn T phải khai thác hết toàn bộ cây keo trên diện tích đất 1,3 ha tại lô 12 khoảnh 3 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để ông Quách Ngọc N trả lại đất cho bà Vũ Thị A.

6. Về án phí: Ông Đỗ Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004553 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao; VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

